

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA Q. NGÔ QUYỀN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 222/CV-BVNQ

V/v mời chào giá Hóa chất xét
nghiệm, sinh phẩm năm 2024 của Bệnh viện
đa khoa quận Ngô Quyền.

Hải Phòng, ngày 02 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm Hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm phục vụ hoạt động thường xuyên năm 2024 của Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Họ và tên: Vũ Thị Hiếu Chức vụ: Phụ trách khoa Dược
Số điện thoại: 02253.552.923
Email: bvdkgngoquyen2013@gmail.com.

3. Hồ sơ gồm có:

- Thư chào giá
- Hồ sơ sản phẩm.
- Đăng kí kinh doanh, hồ sơ năng lực nhà thầu.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 02 tháng 10 năm 2023 đến trước 17h ngày 14 tháng 10 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục Hóa chất xét nghiệm (Phụ lục đính kèm).
- Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền thành phố Hải Phòng kính mời các đơn vị quan tâm và đáp ứng yêu cầu trên đề nghị liên hệ và gửi hồ sơ báo giá (bản giấy) về khoa Dược - Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền.

Địa chỉ: số 21 Lê Lợi – phường Máy Tơ – quận Ngô Quyền- TP Hải Phòng.

Thời gian nhận thông tin về báo giá đến hết ngày 14/10/2023.

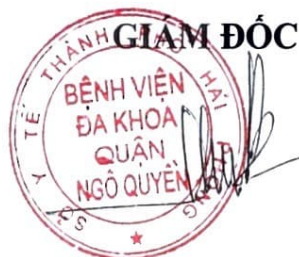


Thông tin cần giải đáp, xin liên hệ: Khoa Dược - Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền. (SĐT: 02253.552.923)

Bệnh viện xin trân trọng cảm ơn./. *Như*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, Dược.



BSCKII. *Trần Thị Thu Hương*



PL: DANH MỤC MUA SẮM HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM - SINH PHẨM CỦA BỆNH VIỆN ĐK QUẬN
NGŨ QUYỀN NĂM 2024

(đính kèm Công văn số 222/ CV-BVNQ ngày 02/10/2023)

STT	Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách	Nhãn hiệu hoặc tương đương	Xuất xứ	ĐVT	SL
1	GOT (AST) UV AA líquida	L-Aspartate 200 mmol/l NADH 0.18 mmol/l MDH ≥ 400 U/l LDH ≥ 600 U/l 2-Oxoglutarate 12 mmol/l. Hộp ≥ 200 mL (4 x 40 mL + 1 x 40 mL) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	200 mL (4 x 40 mL + 1 x 40 mL)	Wiener Lab	Argentina	Hộp	57
2	GPT (ALT) UV AA LIQUIDA	L-Alanine 500 mmol/l NADH 0.18 mmol/l LDH ≥ 1.5 U/l 2-Oxoglutarate 15 mmol/l. Hộp 200 mL (4 x 40 mL + 1 x 40 mL) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	200 mL (4 x 40 mL + 1 x 40 mL)	Wiener Lab	Argentina	Hộp	57
3	Bilirrubin a Directa AA líquida	17 mmol/l hydrochloric acid. 0.4 mmol/l di-chlorophenyldiazonium salt 17 mmol/l hydrochloric acid. Hộp 240 mL (4 x 50 mL + 2 x 20 mL) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	240 mL (4 x 50 mL + 2 x 20 mL)	Wiener Lab	Argentina	Hộp	01
4	Bilirrubin a Total AA líquida	150 mmol/l hydrochloric acid and surfactant. 1.5 mmol/l dichlorophenyldiazonium salt 150 mmol/l hydrochloric acid. Hộp 240 mL (4 x 50 mL + 2 x 20 mL) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	240 mL (4 x 50 mL + 2 x 20 mL)	Wiener Lab	Argentina	Hộp	01
5	Ca-color Arsenazo III AA	solution of 100 mg/l arsenazo III 1.4 g/l 8-hydroxyquinoline sulphonate in 100 mM Tris buffer, pH 8.5. Hộp 200 mL (4 x 50 mL) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	200 mL (4 x 50 mL)	Wiener Lab	Argentina	Hộp	02

6	Colestat enzimátic o AA líquida	CHE ≥ 100 U/l CHOD ≥ 100 U/l POD ≥ 1000 U/l 4-AP 0.2 mmol/l Good 50 mmol/l Phenol 15 mmol/l Sodium cholate 0.2 mmol/l - Độ tái lập (Reproducibility): $\leq 3.49\%$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hộp 400 mL (4 x 100 mL) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	400 mL (4 x 100 mL)	Wiener Lab	Argenti na	Hộp	30
7	Creatinina cinética AA líquida	12.7 mmol/l picric acid 8.4 mmol/l sodium lauryl sulphate solution. 53 mmol/l borate 970 mmol/l sodium hydroxide solution. Giới hạn phân tích ≤ 4.5 mg/l Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hộp 250 mL (2 x 100 mL + 2 x 25 mL) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	250 mL (2 x 100 mL + 2 x 25 mL)	Wiener Lab	Argenti na	Hộp	25
8	γ -G-test cinética AA líquida	Tris buffer 100 mmol/l; pH 8.5 Glycylglycine 100 mmol/l L- γ -Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide > 2.9 mmol/l Hộp 100 mL (4 x 20 mL + 1 x 20 mL) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	100 mL (4 x 20 mL + 1 x 20 mL)	Wiener Lab	Argenti na	Hộp	01
9	Glicemia enzimátic a AA líquida	GOD (microbial) ≥ 10 kU/l POD (horse-radish) ≥ 1 kU/l 4-AP 0.5 mmol Phosphate . 100 mmol, pH 7.0 Hydroxybenzoate 12 mmol Độ lặp lại (Intra-assay precision): $\leq 1.39\%$ Độ tái lập (Inter-assay precision): $\leq 1.92\%$, Hộp 160 mL (4 x 40 mL) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	160 mL (4 x 40 mL)	Wiener Lab	Argenti na	Hộp	71

10	HDL Cholesterol fast	Cholesterol oxidase solution (< 3000 U/l) Peoxydase (< 5000 U/l) N-ethyl-N-(2-hydroxy-3 sulfopropyl)- 3-toluidine disodium (TOOS) (< 1 mM) Cholesterol esterase (< 3000 U/l) 4-aminoantipyrine (4-AAP) (< 1 mM) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hộp 72 mL (2 x 27 + 2 x 9 mL) + Cal Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	72 mL (2 x 27 + 2 x 9 mL) + Calibrator	Wiener Lab	Argenti na	Hộp	76
11	TG Color GPO/PAP AA líquida	Chlorophenol 2 mmol/l Lipoprotein lipase $\geq$ 800 U/l GK $\geq$ 500 U/l GPO $\geq$ 1500 U/l POD $\geq$ 900 U/l ATP 2 mol/l 4-AP 0.4 mmol/l Giới hạn phát hiện: $\leq$ 0.009 g/l Độ tuyến tính: $\geq$ 10 g/l Độ tái lập (Reproducibility): $\leq$ 0.5% Hộp 160 mL (4 x 40 mL) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	160 mL (4 x 40 mL)	Wiener Lab	Argentina	Hộp	68
12	Urea UV cinética AA líquida	Good buffer 250 mmol/l 2-Oxoglutarate 7.5 mmol/l Urease (Jack bean) $\geq$ 5,000 U/l GLDH (microbial) $\geq$ 800 U/l NADH 0.28 mmol/l. Độ lặp lại: $\leq$ 2.01%; Độ tái lập: $\leq$ 2.36% Độ nhạy: $\leq$ 0.071 g/l; Độ tuyến tính: $\geq$ 3 g/l Hộp 500 mL (4 x 100 mL + 4 x 25 mL) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	500 mL (4 x 100 mL + 4 x 25 mL)	Wiener Lab	Argentina	Hộp	10

4 V
(HC
I AN
QUY

13	Uricostat enzimático AA líquida	UOD >200 U/l POD >1000 U/l 4-AP 0.10 mmol/l Potassium ferrocyanide 6 umol/l solution containing Good buffer pH ≥7.8 DHS 2.0 mmol/l Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hộp 500 mL (4 x 100 mL + 1 x 100 mL) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	500 mL (4 x 100 mL + 1 x 100 mL)	Wiener Lab	Argentina	Hộp	2
14	Proteínas Totales AA	13 mmol/l EDTA/Cu complex 875 mmol/l Sodium hydroxide and alkyl aryl polyether (AAP). Hộp 720 mL (6 x 120 mL) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	720 mL (6 x 120 mL)	Wiener Lab	Argentina	Hộp	1
15	Calibrador A plus	Chất hiệu chuẩn: huyết thanh đông khô có chứa các chất chuyển hóa với nồng độ thích hợp để đảm bảo hiệu chuẩn chính xác. A. Thuốc thử A: Dung dịch natri cacbonat 25 mmol / l, pH 10. lọ 3ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3ml/lọ	Wiener Lab	Argentina	lọ	2
16	STANDA TROL S-E 2 NIVELES	Mức kiểm soát 1: lọ ≥ 5 ml đồng nhất và huyết thanh đông khô với nồng độ bình thường hoặc bình thường/bệnh lý ngưỡng của chất chuyển hóa và enzym. Mức kiểm soát 2: lọ ≥ 5 ml đồng nhất và huyết thanh đông khô với nồng độ bệnh lý hoặc ngưỡng bình thường/bệnh lý của các chất chuyển hóa và enzym. Bộ (1x5ml Nivel 1 + 1x5ml Nivel 2) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	bộ (1x5ml Nivel 1 + 1x5ml Nivel 2)	Wiener Lab	Argentina	bộ	2

17	Que thử nước tiểu	- Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin Leukocyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL - Trên thanh thử có miếng dán (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động. Hộp 100 test	Hộp 100 test	Siemens	Ba Lan	Hộp	180
18	CRP Direct Latex	Thành phần: A. Thuốc thử latex B. Đối chứng dương tính C. Đối chứng âm tính Hộp 100 test Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	100 test/hộp	Quimica Clinica Aplicada, S.A/ tây Ban Nha	Quimica Clinica Aplicada, S.A; Tây Ban Nha	Hộp	5
19	AS DIRECT LATEX	Thành phần: A. Thuốc thử latex B. Đối chứng dương tính C. Đối chứng âm tính Hộp 100 test Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	100 test/hộp	Quimica Clinica Aplicada, S.A/ tây Ban Nha	Quimica Clinica Aplicada, S.A; Tây Ban Nha	Hộp	1
20	Bioline™ HIV 1/2 3.0	Phát hiện và phân biệt các kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp 100 test	Abbott Diagnostic Korea Inc/ Hàn Quốc	Abbott Diagnostics Korea Inc/ Hàn Quốc	Test	300

21	Bioline™ HBsAg	Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người. Độ nhạy: 96,2-100%, Độ đặc hiệu: 97,9-100%. Không cần dung dịch đệm (lọ Buffer). Các mẫu ly giải máu, mẫu mỡ máu, vàng da không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp 30 test	Abbott Diagnostic s Korea Inc/ Hàn Quốc	Abbot t Diagnos tics Korea Inc/ Hàn Quốc	Test	1600
22	Bioline™ HCV	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV sử dụng mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Sử dụng kháng nguyên HCV tái tổ hợp: protein lõi, NS3, NS4, NS5; Thẻ tích mẫu sử dụng là 10µl; Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 99.4% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp 100 test	Abbott Diagnostic s Korea Inc/ Hàn Quốc	Abbot t Diagnos tics Korea Inc/ Hàn Quốc	Test	2000